

Số: 01/2025/NQ-HĐND

Đồng Tháp, ngày 29 tháng 7 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

**Quy định chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động
của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân số 87/2015/QH13;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ;

Xét Tờ trình số 57/TTr-HĐND ngày 23 tháng 7 năm 2025 của Ban Pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp; Báo cáo thẩm tra số 88/BC-HĐND ngày 27 tháng 7 năm 2025 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết quy định chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp.

2. Đối tượng áp dụng

a) Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường trên địa bàn tỉnh;

b) Cơ quan, tổ chức, đơn vị, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp, tham gia, phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp;

c) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 2. Nguyên tắc chung

Việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp phải có trong dự toán, bảo đảm đúng chế độ, định mức, đối tượng theo quy định tại Nghị quyết này và quy định có liên quan của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 3. Chế độ, chính sách đối với đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Chế độ, chính sách về tiền lương, hoạt động phí, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, trợ cấp mai táng, khen thưởng của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp thực hiện theo quy định tại Điều 3 Nghị quyết số 1206/2016/NQ-UBTVQH13 ngày 13 tháng 5 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân.

Điều 4. Các điều kiện bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân

1. Đối với Hội đồng nhân dân tỉnh

a) Hoạt động của đại biểu tại kỳ họp

STT	Nội dung chi	Chủ tọa kỳ họp	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Thư ký	Khách mời	Phục vụ
1	Tại các phiên họp toàn thể	250.000 đồng/người /buổi	150.000đồng/người /buổi	150.000 đồng/người/ buổi	100.000 đồng/người /buổi	80.000 đồng/người /buổi
2	Tại các phiên họp thảo luận Tổ thảo luận tại kỳ họp	200.000 đồng/người /buổi	150.000 đồng/người /buổi	150.000 đồng/người/ buổi	100.000 đồng/người /buổi	80.000 đồng/người /buổi
3	Tại các kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân được tổ chức mời cơm đại biểu: mức chi thực hiện theo quy định hiện hành.					

b) Hoạt động của Tổ đại biểu

STT	Nội dung chi	Đại biểu chủ trì	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Khách mời	Phục vụ
1	Tại các phiên họp thảo luận ở Tổ đại biểu	200.000 đồng/người /buổi	150.000 đồng/người /buổi	100.000 đồng/người /buổi	80.000 đồng/người /buổi
2	Chi hoạt động của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân theo Nghị quyết thành lập Tổ: 3.000.000 đồng/Tổ/năm. Nội dung chi cụ thể do đại biểu Hội đồng nhân dân trong Tổ thống nhất.				

c) Hoạt động thăm tra, giám sát, khảo sát

Hoạt động thăm tra, giám sát, khảo sát	Trưởng đoàn, Chủ trì	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Khách mời, thư ký	Phục vụ
	200.000 đồng/người /buổi	150.000 đồng/người /buổi	100.000 đồng/người /buổi	80.000 đồng/người /buổi

d) Chi các cuộc họp thăm tra, giám sát, khảo sát; phiên họp giải trình, chất vấn, liên tịch của Thường trực Hội đồng nhân dân và các cuộc họp khác của Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân: mức chi như hoạt động thăm tra, giám sát, khảo sát.

Trường hợp Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân mời chuyên gia tham dự thăm tra, giám sát, khảo sát, dự các phiên họp giải trình, chất vấn và các cuộc họp khác của Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân: mức chi như chi đối với Chủ trì/Trưởng đoàn; chuyên gia góp ý bằng văn bản: mức chi từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng/văn bản (do chủ trì quyết định).

đ) Lấy ý kiến đóng góp dự án luật, dự thảo văn bản của Trung ương; lấy ý kiến chuyên gia, lấy ý kiến Nhân dân

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Họp lấy ý kiến	Mức chi bằng hoạt động thăm tra, giám sát, khảo sát
2	Lấy ý kiến đóng góp theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân	1.000.000 đồng/cơ quan
3	Lấy ý kiến Nhân dân	Lấy ý kiến trực tiếp không quá 50.000 đồng/người; lấy ý kiến qua phiếu không quá 30.000 đồng/phiếu
4	Soạn thảo báo cáo tổng hợp ý kiến đóng góp của các cơ quan tổ chức lấy ý kiến theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân	500.000 đồng/báo cáo
5	Báo cáo tổng hợp chung	1.500.000 đồng/báo cáo
6	Mời chuyên gia tham dự lấy ý kiến	Chi như chi đối với Chủ trì/Trưởng đoàn

STT	Nội dung chi	Mức chi
7	Mời chuyên gia góp ý bằng văn bản	Từ 400.000 đồng đến 1.000.000 đồng/văn bản (do chủ trì quyết định)

e) Chi tiếp công dân

STT	Nội dung chi	Mức chi			
		Chủ trì	Đại biểu Hội đồng nhân dân	Khách mời	Phục vụ
1	Tiếp công dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân theo kế hoạch	200.000 đồng/người/buổi	150.000 đồng/người/buổi	100.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
2	Trường hợp tổ chức ngoài trụ sở Hội đồng nhân dân, ngoài mức chi nêu trên còn chi hỗ trợ tổ chức tiếp dân: 1.000.000 đồng/ngày.				
3	Chi xây dựng hồ sơ phục vụ tiếp công dân theo kế hoạch: 200.000 đồng/hồ sơ.				
4	Hỗ trợ đối với Thường trực Hội đồng nhân dân và công chức thường xuyên tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân tại trụ sở làm việc của Thường trực Hội đồng nhân dân: - Thường trực Hội đồng nhân dân: 1.000.000 đồng/người/tháng; - Công chức: 700.000 đồng/người/tháng.				

g) Chi công tác tiếp xúc cử tri

STT	Nội dung chi	Mức chi	
		Đại biểu Hội đồng nhân dân	Phục vụ
1	Đại biểu Hội đồng nhân dân tiếp xúc cử tri	300.000 đồng/người/buổi	80.000 đồng/người/buổi
2	Hỗ trợ các điểm tiếp xúc cử tri để trang trí; nước uống cho cử tri, đại biểu; ăn trưa hoặc chiều cho đại biểu, lực lượng phục vụ và các khoản chi khác: 2.000.000 đồng/điểm.		

Trường hợp tổ chức các cuộc họp nêu trên vào các ngày nghỉ, ngày lễ thì mức chi thực hiện theo quy định của Bộ luật Lao động.

h) Chi công tác soạn thảo văn bản

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Soạn thảo báo cáo thẩm tra các đề án, dự án, quy hoạch, kế hoạch trung hạn, kế hoạch 5 năm; báo cáo tổng hợp chung ý kiến, kiến nghị cử tri; tổng hợp trả lời ý kiến, kiến nghị của cử tri; tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu; báo cáo tổng kết nhiệm kỳ	1.500.000 đồng/báo cáo

STT	Nội dung chi	Mức chi
2	Soạn thảo báo cáo thẩm tra các báo cáo, dự thảo nghị quyết khác	1.000.000 đồng/báo cáo
3	Chi cho các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân thực hiện công tác tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và tổng hợp ý kiến thảo luận Tổ trước các kỳ họp Hội đồng nhân dân	1.000.000 đồng/Tổ/năm
4	Soạn thảo báo cáo kết quả giám sát chuyên đề	1.500.000 đồng/báo cáo
5	Báo cáo kết quả khảo sát, báo cáo tổng hợp kết quả giám sát trong một năm	1.000.000 đồng/báo cáo
6	Soạn thảo dự thảo nghị quyết của Thường trực Hội đồng nhân dân; văn bản phục vụ hoạt động chất vấn, giải trình, theo dõi việc thực hiện lời hứa và kiến nghị của Hội đồng nhân dân; báo cáo của Thường trực, các Ban Hội đồng nhân dân; các văn bản khác liên quan đến Kỳ họp như: kế hoạch chuẩn bị nội dung kỳ họp; kế hoạch giám sát cả năm; gợi ý thảo luận; bài diễn văn, chương trình kỳ họp, chương trình giám sát; biên bản kỳ họp; đề cương tiếp xúc cử tri và văn bản cho ý kiến về các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; báo cáo kết quả giám sát văn bản quy phạm pháp luật do Ủy ban nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân cấp xã ban hành	500.000 đồng/văn bản
7	Soạn thảo bài tham luận; báo cáo chuyên đề của Hội đồng nhân dân theo yêu cầu của cấp trên; hồ sơ hội thảo; văn bản cho ý kiến về đề nghị xây dựng nghị quyết	1.000.000 đồng/văn bản
8	Xây dựng hồ sơ phục vụ hội nghị, phục vụ các đoàn công tác khảo sát, lấy ý kiến	500.000 đồng/hồ sơ
9	Xây dựng hồ sơ giám sát (bao gồm quyết định thành lập đoàn, kế hoạch, đề cương giám sát)	1.500.000 đồng/hồ sơ
10	Rà soát, hoàn thiện nghị quyết trước, sau khi thông qua và ký ban hành	300.000 đồng/ng nghị quyết

i) Hỗ trợ khác cho đại biểu Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phối hợp, tham gia, phục vụ hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến việc thực hiện chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân

STT	Nội dung chi	Mức chi
1	Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân tự nghiên cứu tài liệu kỳ họp	1.000.000 đồng /đại biểu/kỳ họp

STT	Nội dung chi		Mức chi
2	Hỗ trợ đại biểu Hội đồng nhân dân khai thác thông tin, báo chí, internet; khai thác thông tin trên Văn phòng điện tử, cập nhật, nghiên cứu văn bản... và giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân trong thời gian giữa hai kỳ họp		300.000 đồng/tháng
3	Hỗ trợ khám, chăm sóc sức khỏe định kỳ hàng năm (ngoài các chế độ khám, chăm sóc sức khỏe theo quy định, đại biểu Hội đồng nhân dân được hỗ trợ kinh phí khám, chăm sóc sức khỏe hàng năm)		2.000.000 đồng/người/năm (riêng năm chuyển giao nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân (không bao gồm đại biểu tái cử) được hỗ trợ bằng 50% mức trên)
4	Hỗ trợ tiền may trang phục		7.000.000 đồng/đại biểu/nhiệm kỳ (công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân được hỗ trợ: 5.000.000 đồng/người)
5	Hỗ trợ công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân		1.000.000 đồng/người/năm
6	Mỗi nhiệm kỳ, đại biểu Hội đồng nhân dân được trang cấp một máy tính xách tay hoặc máy tính bảng để nghiên cứu tài liệu kỳ họp, truy cập, trao đổi thông tin trên Văn phòng điện tử		Giá trị máy tính xách tay, máy tính bảng do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp
7	Chi hội nghị, hội thảo, tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ	Hội nghị đại biểu chuyên trách Hội đồng nhân dân và các hội nghị khác	Như mức chi tại phiên họp toàn thể của kỳ họp
		Hội thảo do Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân tổ chức	Không quá hai lần mức chi tại phiên họp toàn thể của kỳ họp
		Tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ	Đại biểu Hội đồng nhân dân tham dự tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ do cấp có thẩm quyền tổ chức, ngoài chế độ, chính sách tập huấn, bồi dưỡng, công tác phí thì

STT	Nội dung chi		Mức chi
			đại biểu được Hội đồng nhân dân cấp mình hỗ trợ thêm 150.000 đồng/người/ngày
8	Chi học tập kinh nghiệm	Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân tổ chức các đoàn đi học tập kinh nghiệm ngoài tỉnh phải ăn, nghỉ dọc đường, ngoài chế độ công tác phí theo quy định thì được chi hỗ trợ thêm tiền ăn	150.000 đồng/người/ngày
		Thường trực, các Ban của Hội đồng nhân dân, Văn phòng phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân tổ chức các đoàn đến tỉnh bạn trao đổi, học tập kinh nghiệm mức quà tặng cho mỗi tỉnh	không quá 2.000.000 đồng/lần
		Các đoàn công tác của các tỉnh bạn đến học tập kinh nghiệm về hoạt động Hội đồng nhân dân: mức quà tặng	không quá 2.000.000 đồng/đoàn
9	Tặng quà lưu niệm: đại biểu Hội đồng nhân dân; cá nhân tham gia công tác thường xuyên, tích cực, có nhiều đóng góp cho hoạt động Hội đồng nhân dân; cán bộ, công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân được tặng quà lưu niệm khi kết thúc nhiệm kỳ		giá trị quà tặng do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định sau khi trao đổi thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp
10	Thường trực Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách, công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân khi chuyển công tác sang cơ quan khác, nghỉ hưu được tặng quà lưu niệm		không quá 1.500.000 đồng/người
11	Chi tặng quà đối với người có công; thân nhân người có công với cách mạng; thương binh; bệnh binh; người khuyết tật; người có nhiều đóng góp đối với hoạt động Hội đồng nhân dân; các tập thể thuộc diện chính sách xã hội như: trại điều dưỡng, trại trẻ mồ côi... (đối tượng cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định)		không quá 3.000.000/đồng/lần/năm đối với tập thể
			không quá 1.000.000 đồng/lần/năm đối với cá nhân

STT	Nội dung chi			Mức chi
12	Chi quà tặng nhân dịp Tết Nguyên đán	Các đồng chí là Thường trực Hội đồng nhân dân, lãnh đạo chuyên trách các Ban của Hội đồng nhân dân, lãnh đạo Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu (theo Kế hoạch hàng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân)	Chủ tịch, Phó Chủ tịch	2.000.000 đồng/người
			Trưởng ban, Chánh văn phòng	1.500.000 đồng/người
			Phó Trưởng ban, Phó Chánh văn phòng	1.000.000 đồng/người
		Công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu		không quá 700.000 đồng/người
13	Chi thăm hỏi, thăm viếng, trợ cấp	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; công chức, người lao động Văn phòng đương nhiệm trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân	Thăm hỏi khi bệnh nằm viện	2.000.000 - 5.000.000 đồng/người/lần, kể cả bệnh hiểm nghèo (mức chi cụ thể do Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định)
			Thăm viếng khi từ trần	không quá 3.000.000 đồng/người
			Cha, mẹ đẻ, cha, mẹ vợ (chồng), vợ (chồng), con của các đối tượng nêu trên khi từ trần, mức chi thăm viếng	không quá 2.000.000 đồng/người/lần
		Nguyên đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh	Thăm hỏi khi bệnh nằm viện	không quá 2.000.000 đồng/người/lần (một người thăm không quá 02 lần/năm)
			Thăm viếng khi từ trần	không quá 3.000.000 đồng/người

STT	Nội dung chi		Mức chi
	Giám đốc, Phó Giám đốc các sở, ngành và tương đương trở lên; công chức, người lao động Văn phòng trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân đã nghỉ hưu	Thăm hỏi khi bệnh nằm viện	không quá 1.000.000 đồng/người/lần
		Thăm viếng khi từ trần	không quá 3.000.000 đồng/người
	Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh chuyên trách đã chuyển công tác hoặc nghỉ hưu; công chức, người lao động Văn phòng đương nhiệm trực tiếp phục vụ hoạt động Hội đồng nhân dân gặp khó khăn do thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn		tùy theo hoàn cảnh, Thường trực Hội đồng nhân dân quyết định mức trợ cấp nhưng không quá 5.000.000 đồng/người
	Thường trực, lãnh đạo các Ban, lãnh đạo Văn phòng tỉnh bạn có mối liên hệ hoạt động thường xuyên với Hội đồng nhân dân tỉnh	Thăm hỏi khi bệnh nằm viện	không quá 1.000.000 đồng/người/lần
		Thăm viếng khi từ trần	không quá 2.000.000 đồng/người

2. Ngoài chế độ công tác phí, chi hội nghị theo quy định hiện hành của Nhà nước, đối với đại biểu Hội đồng nhân dân nghỉ hưu; đại biểu Hội đồng nhân dân và khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp được thanh toán tiền công tác phí theo khoảng cách từ nơi cư trú đến địa điểm công tác.

3. Đối với Hội đồng nhân dân cấp xã

Mức chi bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân cấp xã bằng 50% mức chi quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g, h khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định nội dung chi, mức chi, đối tượng được hỗ trợ quy định tại điểm i khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này sau khi trao đổi, thống nhất với Ủy ban nhân dân cùng cấp nhưng không quá mức chi của tỉnh.

4. Các chế độ chi khác không quy định tại Nghị quyết này thì chi theo quy định hiện hành.

Điều 5. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí chi thực hiện các chế độ bảo đảm hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp do ngân sách nhà nước đảm bảo, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Hội đồng nhân dân các cấp.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Trường hợp văn bản trích dẫn tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản khác thì áp dụng quy định tại văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 7. Điều khoản thi hành

1. Bãi bỏ các Nghị quyết

a) Nghị quyết số 169/2018/NQ-HĐND ngày 18 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp quy định về chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp;

b) Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chế độ, chính sách và điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Nghị quyết này có hiệu lực từ ngày 29 tháng 7 năm 2025.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Đồng Tháp Khóa X, Kỳ họp thứ 02 thông qua ngày 29 tháng 7 năm 2025./.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VB&QLXLVPHC (Bộ Tư pháp);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- UBND, UBMTTQVN tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Văn phòng: Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT, CTHĐND (2).

CHỦ TỊCH



Châu Thị Mỹ Phương